

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-8-2019.

“V/v: *Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc “*Ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 82/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Phan A B, sinh năm 1986**

Trú tại: Tổ ab, ấp T Th, xã Th B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Chị Lìu A K, sinh năm 1981**

Trú tại: Số bc, đường số d, ấp T V, xã B H, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

(Anh B và chị K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Phan A B trình bày:**

Anh và chị Lìu A K tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Th B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/5/2015.

Sau khi kết hôn giữa anh và chị K phát sinh nhiều mâu thuẫn, chỉ hơn 02 tháng chung sống chị K đã bỏ về nhà ba mẹ ruột ở xã B H, huyện Tr B sinh sống từ đó cho đến nay. Anh đã nhiều lần khuyên chị K quay về chung sống nhưng chị K không chịu gặp mặt. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lìu A K.

Về con chung: Anh và chị K không có con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị K không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh cam kết anh và chị K không có nợ chung.

* *Bị đơn – chị Lìu A K:* Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được B đảm.

Về nội dung vụ án: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị K đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí đoàn tụ. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh B và chị K đã trầm trọng, không thể kéo dài. Do vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có; Về án phí: Anh B phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lìu A K hiện đang cư trú tại ấp T V, xã B H, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn – chị Lìu A K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng chị K vẫn vắng mặt, không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, nguyên đơn – anh Phan A B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan A B và chị Lìu A K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/5/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay anh B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị K nên áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K không đến Tòa làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của anh B là tự từ bỏ quyền của mình. Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng khi không có sự hợp tác của chị K. Ngoài ra, tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Lìu A K hiện đang sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở xã B H, huyện Tr B; giữa chị K và anh B có phát sinh mâu thuẫn, hiện chị K đã sống ly thân với anh Phan A B, phù hợp với lời trình bày của anh B về việc đã ly thân với chị K từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy chị K không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, thời gian ly

thân đã lâu, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, anh B được ly hôn với chị K.

[2.2]. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B trình bày anh và chị K không có tài sản chung và nợ chung. Chị K vắng mặt không có ý kiến trình bày nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan A B.

1. Anh Phan A B được ly hôn với chị Lù A K.

2. Về án phí: Anh B phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001285 ngày 13/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh B đã nộp xong án phí.

Anh B, chị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Th B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai;
(GCNKH số 56 ngày 11/5/2015)
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thùy Dung